

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Y H, sinh ngày 01/6/2000.

Địa chỉ: Thôn Kô C, xã Măng B, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Ông A H, sinh ngày 01/01/1997.

Địa chỉ: Thôn Kô C, xã Măng B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở: Thôn Ngọc H, xã Đăk R, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Y H và ông A H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Y H và ông A H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Vợ chồng bà Y H, ông A H có 01 con chung Y My H, sinh ngày 08/02/2020. Vợ chồng thỏa thuận thống nhất giao con chung Y My H, sinh ngày 08/02/2020 cho vợ (bà Y H) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà Y H không yêu cầu nên ông A H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông A H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và khi cần thiết ông A H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Y H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông A H phải nộp số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 75.000 đồng nhưng bà Y H tự nguyện nộp thay ông A H số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 75.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 10 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 10 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Xong